

Số: 05 /QĐ-CCTK

Hung Yên, ngày 21 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025
của Chi cục Thống kê tỉnh Hưng Yên

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CTK ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc ban hành quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng thuộc Chi cục Thống kê cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1233/QĐ-TCTK ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao Kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2025 đối với Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Hưng Yên, gồm các ấn phẩm, chỉ tiêu thống kê công bố định kỳ hằng tháng, quý, cả năm và các sản phẩm không thường xuyên do các đơn vị thuộc Chi cục Thống kê biên soạn, phổ biến trong năm 2025.

Điều 2. Căn cứ Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025, các đơn vị thuộc Chi cục Thống kê xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc biên soạn, phổ biến các thông tin thống kê thuộc lĩnh vực phụ trách, bảo đảm thời gian quy định; Phòng Thống kê Tổng hợp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Hưng Yên, báo cáo Chi cục trưởng tình hình thực hiện khi được yêu cầu.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/3/2025 và thay thế Quyết định số 107/QĐ-CTK ngày 13/12/2024 của Cục trưởng Cục Thống kê Hưng Yên về việc ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025.

Điều 4. Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp; Trưởng phòng các Phòng thuộc Chi cục Thống kê; Đội trưởng Đội Thống kê cấp huyện và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê (Ban THĐN);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TH.

CHI CỤC TRƯỞNG



Đào Trọng Truyền

CỤC THÔNG KÊ
CHI CỤC THÔNG KÊ HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 21 tháng 3 năm 2025

LỊCH PHỎ BIẾN THÔNG TIN THÔNG KÊ
CỦA CHI CỤC THÔNG KÊ TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-CCTK ngày 21 tháng 3 năm 2025
của Chi cục trưởng Chi cục Thông kê tỉnh Hưng Yên)

	Tên thông tin thông kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	C	D	E	F
I	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG				
I	Ấn phẩm				
1.1	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 01 năm 2025	Ước tính	02/02/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.2	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 2 và 2 tháng năm 2025	Ước tính	02/3/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.3	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 4 và 4 tháng năm 2025	Ước tính	02/5/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
1.4	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 5 và 5 tháng năm 2025	Ước tính	02/6/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.5	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.6	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2025	Ước tính	02/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.7	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025	Ước tính	02/11/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.8	Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh				
2.1	Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp				
	Doanh nghiệp đăng ký thành lập	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, giải thể	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.2	Đầu tư và xây dựng				
	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà do địa phương quản lý	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.3	Tiền tệ và bảo hiểm				
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.4	Công nghiệp				
	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.5	Thương mại, dịch vụ				
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.6	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.7	Giao thông vận tải				
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.8	Du lịch				
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.9	Trật tự, an toàn xã hội				
	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Chính thức	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.10	Bảo vệ môi trường				
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại (nếu có)	Sơ bộ	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Số liệu thống kê toàn tỉnh khác				
3.1	Tài chính công				
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
3.2	Nông nghiệp và thủy sản				
	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm chủ yếu	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Ước tính	Ngày 02 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
2.1	Đầu tư và xây dựng				
	Số dự án và số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.2	Tài khoản quốc gia				
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Ước tính	- Quý I: 01/4/2025 - Quý II và 6 tháng: 01/7/2025 - Quý III và 9 tháng: 01/10/2025 - Quý IV: 01/12/2025	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ	- Quý VI/2024: 01/4/2025 - Quý I: 01/7/2025 - Quý II và 6 tháng: 01/10/2025 - Quý III và 9 tháng: 01/12/2025	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức các quý	01/10/2025	Ảnh phẩm, Bảng điện tử	Phòng Thống kê Tổng hợp

Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	năm 2023		từ; Website	
Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn	Ước tính	- Quý I: 01/4/2025 - Quý II và 6 tháng: 01/7/2025 - Quý III và 9 tháng: 01/10/2025 - Quý IV: 01/12/2025	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Sơ bộ	- Quý VI/2024: 01/4/2025 - Quý I: 01/7/2025 - Quý II và 6 tháng: 01/10/2025 - Quý III và 9 tháng: 01/12/2025	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chính thức các quý năm 2023	01/10/2025	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	Ước tính	- Quý I: 01/4/2025 - Quý II và 6 tháng: 01/7/2025 - Quý III và 9 tháng: 01/10/2025 - Quý IV: 01/12/2025	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		Sơ bộ	- Quý VI/2024: 01/4/2025 - Quý I: 01/7/2025 - Quý II và 6 tháng: 01/10/2025 - Quý III và 9 tháng: 01/12/2025	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức các quý năm 2023	01/10/2025	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.3	Tài chính công				
	Thu và cơ cấu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi và cơ cấu chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.4	Tiền tệ và bảo hiểm				
	Số dư huy động vốn, dự nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.5	Nông, lâm nghiệp và thủy sản				
	Diện tích cây hàng năm			Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	- Vụ Đông	Chính thức	02/7/2025		
	- Vụ Xuân	Ước tính	02/10/2025		
	- Vụ Mùa	Ước tính	02/12/2025		

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu			Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	- Vụ Đông	Chính thức	02/7/2025		
	- Vụ Xuân	Ước tính	02/10/2025		
	- Vụ Mùa	Ước tính	02/12/2025		
	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu			Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	- Vụ Đông	Chính thức	02/7/2025		
	- Vụ Xuân	Ước tính	02/10/2025		
	- Vụ Mùa	Ước tính	02/12/2025		
	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (6 tháng)	Ước tính	02/7/2025	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu (Quý)	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng thủy sản (6 tháng)	Ước tính	02/7/2025	Ảnh phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.6	Công nghiệp				
	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản phẩm sản xuất chủ yếu ngành công nghiệp	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.7	Thương mại, dịch vụ				
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.8	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.9	Giao thông vận tải				
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử; Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.10	Công nghệ thông tin và truyền thông				
	Số lượng thuê bao điện thoại	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.11	Du lịch				
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách du lịch nội địa	Ước tính	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.12	Trật tự, an toàn xã hội				
	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.13	Tư pháp (6 tháng)				
	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Chính thức	Ngày 29 tháng cuối quý báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Chính thức	Ngày 29 tháng cuối quý báo cáo	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Số liệu thống kê khác				
3.1	Chỉ số giá				

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Chỉ số giá vàng	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá đô la Mỹ	Chính thức	Ngày 02 của tháng đầu quý kế tiếp sau kỳ báo cáo	Ấn phẩm, Bảng điện tử, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
III	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM				
1	Ấn phẩm				
1.1	Niên giám Thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2024	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.2	Niên giám thống kê các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Hưng Yên năm 2024	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
1.3	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024	Ước tính	02/01/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
1.4	Số liệu thống kê chủ yếu tỉnh Hưng Yên năm 2024	Ước tính	30/01/2025	Tờ gấp, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
2.1	Đất đai, dân số				
	Diện tích và cơ cấu đất	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Dân số, mật độ dân số	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số hộ	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ số giới tính khi sinh	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ suất sinh thô	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tổng tỷ suất sinh	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ suất chết thô	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Tên thông tin thống kê		Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
Tỷ lệ tăng dân số		Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần		Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh		Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số cuộc kết hôn		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Tuổi kết hôn trung bình lần đầu		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số vụ ly hôn		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Tuổi ly hôn trung bình		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Tỷ lệ đô thị hóa		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.2 Lao động, việc làm và bình đẳng giới					
Lực lượng lao động		Chính thức 2023 và sơ	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		bộ 2024			
	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ thất nghiệp	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ người từ 05-17 tuổi tham gia lao động	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Năng suất lao động	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Thu nhập bình quân của lao động đang làm việc	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Tỷ lệ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.3	Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp				
	Số doanh nghiệp, số lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu thuần, thu nhập của người lao động, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Chính thức 2023	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Chính thức 2023	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Chính thức 2023	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.4	Đầu tư và xây dựng				
	Số dự án và số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Năng lực mới tăng chủ yếu trên địa bàn	Chính thức 2023 và sơ	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		bộ 2024			
	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.5	Tài khoản quốc gia				
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Ước tính lần 1	01/7/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ năm 2024	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức 2023	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính lần 2	01/12/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

Tên thông tin thông kê		Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn		Ước tính lần 1	01/7/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Sơ bộ năm 2024	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức 2023	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính lần 2	01/12/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính lần 1	01/7/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn		Sơ bộ năm 2024	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức 2023	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Ước tính lần 2	01/12/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức 2023	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người		Sơ bộ 2024	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
		Chính thức 2023	01/10/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.6	Tài chính công				
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ cấu thu	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ cấu chi	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.7	Tiền tệ và bảo hiểm				
	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm xã hội	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm y tế	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

Tên thông tin thống kê		Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2.8 Nông, lâm nghiệp và thủy sản					
Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản		Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Diện tích cây hàng năm		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Diện tích cây lâu năm		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Diện tích thu hoạch thủy sản		Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Sản lượng thủy sản	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.9	Công nghiệp				
	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.10	Thương mại, dịch vụ				
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu dịch vụ khác	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá

Tên thông tin thống kê		Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
2.11	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.12	Giao thông vận tải				
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.13	Công nghệ thông tin và truyền thông				
	Số lượng thuê bao điện thoại	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ người sử dụng internet	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến *	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.14	Khoa học và công nghệ				
	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.15	Giáo dục				
	Số cơ sở giáo dục mầm non	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số phòng học mầm non	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên mầm non	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trẻ em mầm non	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường học các cấp	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Tên thông tin thống kê		Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số lớp học phổ thông	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số phòng học phổ thông	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên phổ thông	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh phổ thông	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ phòng học kiên cố	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.16 Y tế và chăm sóc sức khỏe					
	Số bác sĩ, số giường bệnh trên 10.000 dân	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 dân	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên 100.000 dân	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.17	Du lịch				
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt khách du lịch nội địa	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
2.18	Mức sống dân cư				
	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Tên thông tin thống kê		Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Tỷ lệ dân số sử dụng hồ xí hợp vệ sinh	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.19	Trật tự, an toàn xã hội				
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ; số người chết, bị thương và thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.20	Tư pháp				
	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2.21	Bảo vệ môi trường				
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	Chính thức 2024	30/9/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Chính thức 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chính thức 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chính thức 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM _{2,5} và bụi PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Chính thức 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Chỉ tiêu thống kê toàn tỉnh khác				
3.1	Hợp tác xã				
	Số hợp tác xã, lao động	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
3.2	Chỉ số giá				
	Chỉ số giá vàng	Chính thức 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá đô la Mỹ	Chính thức 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
3.3	Văn hóa, thể thao và du lịch				
	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Chính thức 2024	30/9/2025	Ảnh phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
4	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp huyện				
4.1	Đất đai, dân số				
	Diện tích và cơ cấu đất	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Dân số, mật độ dân số	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số cuộc kết hôn	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ ly hôn	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
4.2	Kinh tế				
	Số doanh nghiệp, số lao động của doanh nghiệp	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số dự án và vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do cấp huyện quản lý	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ cấu thu	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ cấu chi	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm xã hội	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm y tế	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Diện tích cây hàng năm	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây lâu năm	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Diện tích thu hoạch thủy sản	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
4.3	Xã hội, môi trường				
	Số cơ sở giáo dục mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số phòng học mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trẻ em mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lớp tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số phòng học tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số học sinh tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Sơ bộ 2024	Tháng 12/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ; số người chết, bị thương và thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Tên thông tin thống kê		Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
5	Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã				
5.1	Đất đai và dân số				
	Diện tích và cơ cấu đất	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Dân số, mật độ dân số	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số cuộc kết hôn	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
5.2	Kinh tế				
	Thu ngân sách xã, phường, thị trấn và cơ cấu thu	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn và cơ cấu chi	Chính thức 2023 và sơ bộ 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Tổng hợp
	Diện tích gieo trồng cây hằng năm	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích cây lâu năm trồng tập trung	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản nội địa	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
5.3	Xã hội, môi trường				
	Số cơ sở giáo dục mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số phòng học mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số giáo viên mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
Số trẻ em mầm non	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số trường tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số lớp tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số phòng học tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số giáo viên tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số học sinh tiểu học, trung học cơ sở	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số nhân lực y tế của trạm y tế	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
Số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn thành	Thời gian phổ biến*	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Chính thức 2024	30/10/2025	Ấn phẩm, Website	Đội Thống kê; Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
IV	CÔNG BỐ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN				
1	Ấn phẩm Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Chính thức	Tháng 12/2025	Ấn phẩm, Website	Phòng Thống kê Tổng hợp

(*) Nếu các mốc thời gian phổ biến vào các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước, thời hạn phổ biến có thể chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê (Ban THĐN);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo CCTK;
- Các đơn vị thuộc CCTK;
- Lưu: VT, TH.

CHI CỤC TRƯỞNG



Đào Trọng Truyền